

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ – ST

Ngày: 13-7-2023

“V/v xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hoàng Giang

Ông Lê Thành Tam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít:** không tham gia

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại điểm cầu chính trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023. về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Tấn P – Văn phòng luật sư Phát Đạt – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

\* **Bị đơn:** Chị Võ Thị Bé C, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự tham dự phiên tòa có mặt tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L trình bày:* Nguyên vào năm 1996, anh và chị Võ Thị Bé C kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/10/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại ấp TB, xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long được thời gian đầu. Đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Bé C.

- Con chung: quá trình chung sống vợ chồng 03 có con chung tên là Nguyễn Linh T1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2004; Nguyễn Vũ T2, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1996. Sau khi ly hôn, anh tự nguyện giao cháu T2 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; riêng cháu T1 và cháu P1 đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết bị đơn Võ Thị Bé C trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung như anh Nguyễn Tấn L trình bày là đúng. Chị thừa nhận cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nhưng nguyên nhân không phải như anh L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình anh L không chung thủy, sau khi chị sinh con thứ ba thì anh L bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác, không phụ giúp đời sống kinh tế gia đình, chỉ gửi chút đỉnh tiền thuốc, tiền sữa cho đứa con nhỏ, không thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ và chồng, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L không thay đổi nay anh L yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý, chị muốn giữ cha lại cho con mình có đủ cha mẹ.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L thì chị thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ T2, chị thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi mà anh L tự nguyện; riêng cháu T1 và cháu P1 đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Tấn L giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Võ Thị Bé C giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với anh L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Tấn L và chị Võ Thị Bé C kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/10/2002. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị C là hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: theo anh L trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Chị C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do anh L không chung thủy, không phụ giúp đời sống kinh tế gia đình, không thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ và chồng ... Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công

việc của gia đình... Tại phiên tòa hôm nay chị C xác định không còn tình cảm với anh L, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh L vì chị muốn cho các con chị có đủ cha đủ mẹ; tuy nhiên, anh L và chị C xác định anh, chị không còn sống chung với nhau đã 04 năm nay. Theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn theo yêu cầu của một bên khi có căn cứ vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét anh L, chị C hiện nay không còn sống chung với nhau, hôn nhân của anh L và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn được nên xét việc anh L yêu cầu ly hôn với chị C là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: anh L, chị C xác định vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Linh T1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2004; Nguyễn Vũ T2, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1996. Anh L tự nguyện giao cháu Nguyễn Vũ T2 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị C cho rằng trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L thì chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ T2, đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng mà anh L tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Vũ T2 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung Nguyễn Linh T1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2004 và Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1996 đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: anh L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn L

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tấn L được ly hôn với chị Võ Thị Bé C.

2/ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ T2, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 cho chị Võ Thị Bé C tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tấn L về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Tấn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/Về án phí: anh Nguyễn Tấn L phải nộp phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007666 ngày 29 tháng 3 năm 2023, còn lại 300.000 đồng buộc anh L phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAT;
- VKSNDH;
- THADS;
- UBND xã TL;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Võ Thị Tám**